TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 65/2020/QĐST-DS	*Mỏ Cày Nam, ngày 26 tháng 8 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 18 tháng 8 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 20/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1) *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Tư E**, sinh: 1952.

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện A, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Tư E: Ông **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1945; Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện A, tỉnh Bến Tre.

1.2) *Bị đơn*: Ông **Huỳnh Văn T**, sinh năm: 1945

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện A, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Thất: Ông **Nguyễn Văn Đệ Nh**, sinh năm: 1962; địa chỉ: Số s Khu phố f, phường a, thành phố t, tỉnh Bến Tre.

1.3) Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

1.3.1) Bà **Phạm Thị T**, sinh năm: 1945

1.3.2) Ông **Huỳnh Thanh L**, sinh năm: 1969

1.3.3) Bà **Huỳnh Thị Ngọc D**, sinh năm: 1974

1.3.4) Ông **Huỳnh Lê Gia B**, sinh năm: 1992

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện A, tỉnh Bến Tre.

1.3.5) Bà **Huỳnh Thị Ngọc Đ**, sinh năm: 1970

Địa chỉ: Ấp b, xã a, huyện a, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Th, ông L, bà D, ông B, bà Đ: Ông **Nguyễn Văn Đệ Nh**, sinh năm: 1962; địa chỉ: Số s Khu phố f, phường a, thành phố t, tỉnh Bến Tre.

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Huỳnh Văn T, bà Phạm Thị T; bà Huỳnh Thị Ngọc D; bà Huỳnh Thị Ngọc Đ; ông Huỳnh Thanh L; ông Huỳnh Lê Gia B thống nhất phần đất có diện tích 27m^2(Chiều rộng 1,19m – 1.16m, chiều dài 23,18m và một cạnh 23,16 m), ký hiệu thuộc thửa số 39A, tờ bản đồ 11 tọa lạc tại Ấp A, xã A, huyện A, tỉnh Bến Tre thuộc quyền quản lý và sử dụng của bà Nguyễn Thị Tư E. Có vị trí cụ thể như sau:

Bắc giáp thửa số số 10 của ông Huỳnh Gia Th;

Đông giáp đất Phạm Nhật T;

Nam và Tây giáp thửa 39 của bà Nguyễn Thị Tư E

Bà Nguyễn Thị Tư E thống nhất dành phần đất có diện tích 27m^2(Chiều rộng 1,19m – 1.16m, chiều dài 23,18m và một cạnh 23,16 m), ký hiệu thuộc thửa số 39A, tờ bản đồ 11 tọa lạc tại Ấp A, xã A, huyện A, tỉnh Bến Tre.

Có vị trí cụ thể như sau:

Bắc giáp thửa số số 10 của ông Huỳnh Gia Th;

Đông giáp đất Phạm Nhật T;

Nam và Tây giáp thửa 39 của bà Nguyễn Thị Tư E, làm lối đi chung cho các hộ dân.

Hiện trạng lối đi: Thửa 39A là đường dal (đường bê tông), đây cũng là lối đi chung của các hộ phía trong.

Ông Huỳnh Văn T, bà Phạm Thị T; bà Huỳnh Thị Ngọc D; bà Huỳnh Thị Ngọc Đ; ông Huỳnh Thanh L; ông Huỳnh Lê Gia B được quyền sử dụng hạn chế quyền sử dụng đất của chủ sử dụng đất có lối đi (Phần đất được mở lối đi như đã nêu trên). Đồng thời phải tuân thủ các điều kiện để đảm bảo quá trình sử dụng đất của các bên mà pháp luật quy định.

Tuyên bố hạn chế quyền sử dụng đất có lối đi đối với chủ sử dụng đất có lối đi mà các đương sự được sử dụng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Tư E không yêu cầu bồi hoàn giá trị quyền sử dụng đất cho phần đất mở lối đi.

(Có kết quả đo đạc địa chính thửa đất ngày 13/7/2020 của văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Mỏ Cày Nam kèm theo).

3/ Về chi phí tố tụng: là 1.123.000đ ông Huỳnh Văn T, bà Phạm Thị T; bà Huỳnh Thị Ngọc D; bà Huỳnh Thị Ngọc Đ;ông Huỳnh Thanh L; ông Huỳnh Lê Gia B tự nguyện nhận chịu, đã nộp xong.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1) Bà Nguyễn Thị Tư E không phải chịu án phí.

4.2) Ông Huỳnh Văn T, bà Phạm Thị T; bà Huỳnh Thị Ngọc D; bà Huỳnh Thị Ngọc Đ; ông Huỳnh Thanh L; ông Huỳnh Lê Gia tự nguyện liên đới nhận chịu 300.000đ (Ba trăn ngàn đồng) tiền án dân sự sơ thẩm.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4/ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Mỏ Cày Nam;
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

THẨM PHÁN

(Đã Ký)

Nguyễn Thị Thanh Lan